

Mối quan hệ kết nối giữa trường đại học và doanh nghiệp

LƯU THANH TÂM

Trường Đại học Công nghệ TP.HCM

Bài viết này trình bày một số vấn đề về thực trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp như thế nào hiện nay; Đồng thời nghiên cứu mô hình quản lý quan hệ trường đại học - công nghiệp trong các nội dung sau: (i) Xây dựng doanh nghiệp trong trường đại học; (ii) Quản lý tài chính và nhân sự; (iii) Quản lý quyền sở hữu trí tuệ trong các ứng dụng công nghiệp và cung cấp dịch vụ; và (iv) Đề xuất cho giáo dục VN.

Từ khóa: *Quan hệ kết nối, trường đại học, doanh nghiệp.*

1. Nhìn nhận nhu cầu kết nối giữa hai bên - Nhà trường và Doanh nghiệp

Cần phải có sự gắn kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp và nhà trường trong quá trình đào tạo ở bậc đại học. Vấn đề là làm thế nào để tạo ra và duy trì sự gắn kết ấy? Trong những năm gần đây mặc dù hầu hết các trường đại học đều có ý thức về vấn đề này và đã có những nỗ lực lớn nhỏ khác nhau để tạo ra mối liên kết với các doanh nghiệp, nhưng kết quả đạt được vô cùng hạn chế. Có thể nói, phần lớn các doanh nghiệp trong nước hoàn toàn không quan tâm gì đến việc tạo dựng quan hệ với các trường đại học. Ngoài việc một vài nhân sự trong khối doanh nghiệp có tham gia giảng dạy do có quan hệ cá nhân, sự tham gia của doanh nghiệp đối với quá trình đào tạo tại các trường hiện nay nếu có thường chỉ dừng lại ở chỗ nhận sinh viên

vào thực tập tại công ty.

Sẽ là không công bằng nếu nói đến sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp nhưng lại chỉ xét đến vai trò của doanh nghiệp mà bỏ qua vai trò của các trường. Thực tế cho thấy, không kể một số trường thực sự năng động và có nhiều quan hệ với doanh nghiệp, hầu như các trường đều không thực sự tích cực để tìm ra những phương cách tạo ra mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp.

Sự liên kết chặt chẽ giữa các trường đại học và doanh nghiệp được xem là một điều kiện đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển của cả hai phía trong nền kinh tế cạnh tranh toàn cầu ngày nay. Trong mối quan hệ này, doanh nghiệp đóng vai trò đòn bẩy kích thích sáng tạo và thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ, đồng thời cũng cung cấp thêm một nguồn lực tài chính cho các hoạt động của nhà

trường; ngược lại, các trường đại học là nơi sáng tạo ra tri thức mới và tìm tòi các giải pháp cho các vấn đề mà thực tế đặt ra cho các doanh nghiệp, bên cạnh vai trò truyền thống là nguồn cung cấp cho nhu cầu về nhân lực có trình độ.

Cần lưu ý rằng mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp tại các nước phát triển là mối quan hệ bình đẳng và hai bên cùng có lợi, chứ không phải là mối hỗ trợ từ một phía. Nhưng mối quan hệ thuận lợi giữa nhà trường và doanh nghiệp tại các nước phát triển không phải tự nhiên mà có. Mặc dù không lộ diện, nhưng trong mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp luôn có sự hiện diện của nhà nước thông qua hệ thống chính sách và môi trường pháp lý.

2. Mô hình quan hệ trường đại học - công nghiệp trên thế giới

Mô hình quan hệ trường đại

học - công nghiệp là một khái niệm tương đối mới tại hầu hết các quốc gia đang trong quá trình công nghiệp hóa và đang phát triển. Mô hình này bao hàm rất nhiều hoạt động trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu như: cung cấp nguồn nhân lực, cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo và phát triển ươm tạo công nghệ phục vụ cho quá trình thương mại hóa các sản phẩm R&D. Mô hình quan hệ trường đại học doanh nghiệp có thể có rất nhiều cấu trúc khác nhau. Ví dụ, nhóm các trường đại học danh tiếng thuộc miền đông Mỹ có xu hướng hợp tác và liên kết với những doanh nghiệp chủ chốt hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao nhằm mục đích triển khai các dự án đồng nghiên cứu. Ngược lại các trường đại học địa phương thường thiết lập với những doanh nghiệp nhỏ. Trong trường hợp thứ hai, quan hệ hợp tác giữa trường đại học với doanh nghiệp nhằm mục đích phát triển công nghệ và kỹ năng quản lý, hoặc cung cấp các khóa đào tạo tại chỗ để nâng cao năng lực chuyên môn.

Cấp độ phát triển và mục tiêu của mô hình được xác định trên cơ sở phân tích các mặt mạnh/yếu của trường đại học từ những kỳ vọng đạt được trong mối quan hệ với công nghiệp. Có thể kể ra một số mặt như sau:

(1) Năng lực triển khai đào tạo và nghiên cứu của trường đại học và khả năng kết hợp với công nghiệp trong lĩnh vực công nghệ, khoa học và quản lý.

(2) Xác định đối tác có thể là những doanh nghiệp (Đa quốc gia, doanh nghiệp vừa và nhỏ) hoạt động trong lĩnh vực khoa học công nghệ, ít nhiều liên quan đến đào tạo nguồn nhân lực.

(3) Tương tác đặc thù giữa

hoạt động đào tạo của trường đại học và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

(4) Văn hóa kinh doanh trong môi trường đại học.

Khi mỗi quan hệ trường đại học - công nghiệp phát triển, một vấn đề cần đặt ra là những ảnh hưởng của quan hệ này tới hoạt động chuyên môn (đào tạo và nghiên cứu), so với mô hình trường đại học truyền thống thường khép kín trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Có thể nêu lên một số ảnh hưởng như sau:

- Do mục tiêu đầu ra mang tính triển khai thương mại cao nên ngân sách cấp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, trong trường hợp này, có xu hướng tập trung vào những lĩnh vực cụ thể và có “khách hàng”. Như vậy những lĩnh vực nghiên cứu cơ bản có thể bị “bỏ quên” và khó phát triển. Mặc dù chúng ta đều biết những kết quả nghiên cứu cơ bản là nền tảng cho những nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật/công nghệ.

- Về đào tạo, mô hình trường đại học - doanh nghiệp ảnh hưởng đến cả hai bậc đào tạo đại học và sau đại học. Bên cạnh đó, mô hình này cũng làm phát sinh một chức năng/loại hình mới là đào tạo tại chỗ. Ở bậc đại học, việc điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo được thực hiện bởi hội đồng bao gồm đại diện gồm nhiều doanh nghiệp và cán bộ chuyên môn của trường. Đối với đào tạo sau đại học, cũng trong lĩnh vực kỹ thuật, những đề tài nghiên cứu được chọn ngày càng có xu hướng phụ thuộc vào các nguồn tài trợ từ doanh nghiệp. Như vậy, một mặt sản phẩm của đào tạo (nguồn nhân lực) sẽ được

nâng cao theo xu hướng gần với đơn vị sử dụng lao động, tuy nhiên tính “độc lập” và “lãng mạn” và “khát vọng tự do tư duy” sẽ bị thu hẹp. Hậu quả là sẽ có ít nghiên cứu mang tính khoa học thật sự.

- Bên cạnh những tác động tích cực như tăng mối quan hệ tương hỗ giữa đào tạo và nghiên cứu, mô hình trường đại học doanh nghiệp cũng đồng thời làm phát sinh hàng loạt những xung đột, điển hình là xung đột về quyền lợi của các đơn vị/ cá nhân trong khi khai thác các mối quan hệ này. Điều này làm tăng thêm sự thiếu đoàn kết trong nội bộ trường đại học, khi một số đơn vị có quyền lợi về tài chính và trí tuệ trong khi những đơn vị khác hoàn toàn không được lợi gì từ mô hình mới này. Mối quan hệ hợp tác giữa trường đại học và giới doanh nghiệp càng phát triển thì càng làm tăng nguy cơ những cán bộ trẻ, rời bỏ trường để tìm kiếm cơ hội tốt hơn tại những doanh nghiệp bên ngoài.

- Một hiện tượng mới phát sinh từ sự thay đổi về tính chất mối quan hệ trường đại học - công nghiệp là kinh doanh tri thức. Các cán bộ nghiên cứu tham gia ngày càng nhiều (với tư cách cá nhân hoặc danh nghĩa cán bộ trường) vào quá trình thương mại hóa những sản phẩm nghiên cứu thông qua quá trình cấp bằng sáng chế hoặc khởi tạo doanh nghiệp.

Trong bảng dưới đây đã tóm tắt các vấn đề chính, cũng như các hoạt động có thể để thúc đẩy mối quan hệ trường đại học - doanh nghiệp.

Bảng 1: Vấn đề và hoạt động cấp quốc gia cũng như cấp trường (VN)

Vấn đề	Hoạt động ở cấp độ quốc gia	Hoạt động ở cấp độ trường/viện
Hệ thống quản lý	Cung cấp tài chính hoặc thêm vị trí công việc để bổ nhiệm nhân sự cho hệ thống quản trị của trường. Xác định cơ chế hoạt động cho những công ty cổ phần hoặc những doanh nghiệp (có lợi nhuận hoặc phi lợi nhuận) do trường đại học nắm một phần hoặc toàn phần cổ phiếu. Xác định các quy định về thuế đối với những công ty con này.	Chọn lựa vị trí pháp lý phù hợp cho hệ thống để hành cả phần nội bộ lẫn ngoài xã hội, cho cả hình thức có lợi nhuận hoặc phi lợi nhuận. Xác định quy tắc, luật lệ liên quan đến quản lý của trường. Xác định hệ thống quản lý (tập trung hóa, hoặc không tập trung). Xác định nguồn nhân lực cần thiết, kế hoạch đào tạo cũng như phát triển cho các vị trí công việc.
Quản lý tài chính	Thiết lập những tài khoản ngân hàng cụ thể cho những dự án hợp tác giữa đại học và các ngành công nghiệp ở những khu vực với hệ thống tài khoản công. Ban hành những quy định về việc cho phép trường hoặc viện duy trì nguồn thu nhập do mối quan hệ với công nghiệp đem lại (không bị khấu trừ trong quỹ cơ bản).	Xây dựng hệ thống quản lý ngân hàng hoàn thiện (chi phí với việc dự phòng cho chi phí khấu hao và phân tích kế toán) liên quan tới việc quản lý như một tài khoản riêng biệt. Phân bổ ngân sách cho từng bộ phận trong hoạt động quan hệ với công nghiệp. Từ đó những bộ phận tự chịu trách nhiệm và duy trì việc tạo ra thu nhập tại cấp độ bộ phận. Xác định những quy định về việc định giá những dịch vụ cụ thể (giá thị trường/tổng chi phí). Hướng dẫn về việc đầu tư chi phí cho các dự án R&T (tại PTN hoặc không).
Ưu tiên tài chính	Cung cấp nguồn tài chính tương xứng thông qua những cơ quan nghiên cứu cho những dự án đào tạo và phát triển chung, những trung tâm nghiên cứu cấp quốc gia và quốc tế, hoặc thiết lập những trung tâm nghiên cứu trong đại học. Cung cấp nguồn tài chính tương ứng và sự hỗ trợ trợ cấp quốc gia cho việc phát triển đội ngũ quản lý. Hỗ trợ ưu tiên về thuế cũng như vay lãi suất thấp cho R&D cho các doanh nghiệp tư nhân thông qua các trường đại học.	Xây dựng nguồn dự trữ vốn đầu tư mạo hiểm từ nguồn thu nhập phát sinh.
Quản lý nhân sự	Cải tiến chế độ nhân sự chú trọng đến đóng góp của nhân viên các lĩnh vực giáo dục, tư vấn hoặc các hoạt động chuyên giao công nghệ. Cung cấp khung pháp lý về chế độ làm việc cho những nhân viên hợp đồng với các việc của nhà nước.	Cải tiến thủ tục và các nội quy chú trọng đến thăng tiến của nhân viên. Xác định những quy định cụ thể về việc phân chia nguồn thu nhập. Phát triển ưu tiên tài chính (ví dụ như là tăng lương cho những nhân viên có đóng góp tích cực). Phát triển chính sách về đối xử công bằng (chế độ làm việc và cơ hội thăng tiến cho cá nhân viên cơ hữu và hợp đồng).
Quyền sở hữu trí tuệ (IPR)	Ban hành quy định quốc gia về quyền sở hữu trí tuệ (HEL công nghiệp, nhà nghiên cứu cá nhân).	Ban hành những quy định trong đại học liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ (Đại học, phòng Lab, cá nhân nghiên cứu, doanh nghiệp). Thành lập (hoặc thuê tư vấn) đơn vị có thẩm quyền để thẩm định tiềm năng của những sản phẩm R&D có thể được triển khai). Xây dựng trung tâm sản xuất thử và trung tâm khoa học/công nghệ (liên kết Chính quyền - Địa phương - Quốc gia). Thành lập bộ phận khai thác các thành quả nghiên cứu.

Bảo vệ những hoạt động chính khóa	Chi tiết hóa nghĩa vụ chuyên môn của giáo sư trong chế độ nhân sự.	Chi tiết hóa nghĩa vụ chuyên môn trong hợp đồng làm việc. Ban hành các hướng dẫn quy định liên quan đến việc cho phép thời gian tối đa cho những hoạt động ngoại khóa, cũng như những nghĩa vụ thông báo cho đơn vị quản lý về các hoạt động bên ngoài. Chú trọng đến năng lực quản lý ở cấp độ Khoa/bộ môn/PTN.
Tự do ngôn luận và xuất bản		Quy định về công bố và xuất bản các kết quả nghiên cứu.
Xung đột và chia rẽ nội bộ		Xây dựng chính sách toàn diện đối với sự phát triển các hoạt động trong trường đại học. Tái phân phát nguồn thu nhập ngoài ngân sách cho các những đơn vị có ít tiềm năng trong liên kết đại học và công nghiệp. Chú trọng đến phát triển tổng thể của đại học hơn là ở cấp độ Khoa/ Bộ môn trong quan hệ công nghiệp.
Xung đột về lợi ích	Ban hành quy định chung liên quan đến lợi ích thương mại từ những phát minh, đặc biệt từ những nghiên cứu được và y khoa. Ban hành những quy định cho phép khởi tố khi có sai phạm.	Ban hành quy định trong đại học về số vốn người nghiên cứu được phép cấp trong dự án thương mại. Ban hành quy định liên quan đến việc tham gia của cán bộ/ nhân viên trong trường đại học vào bộ máy quản trị của doanh nghiệp tư nhân.

3. Áp dụng vào điều kiện VN

Kinh nghiệm của các nước phát triển chính là “vòng xoắn ba” giữa Nhà trường - Doanh nghiệp - Nhà nước”, nhưng trong điều kiện VN thì yếu tố thứ ba “Nhà nước” còn khá lỏng lẻo. Ví dụ như nếu doanh nghiệp không mặn mà với Nhà trường vì họ cho rằng không được lợi gì từ mối quan hệ này, thì liệu Nhà nước đã có những chính sách gì để khuyến khích sự gắn kết này cho họ hay chưa. Nhà nước có vai trò gì không khi rất nhiều sinh viên ra trường không có việc làm, hoặc phải làm những trái với ngành nghề đã học, trái với nguyện vọng, khi đại đa số giảng viên trong các trường đại học VN còn say sưa đi giảng mà ít nghiên cứu khoa học, thậm chí là không có nghiên cứu nào để sáng tạo ra tri thức mới, khi tình trạng bằng giả, bằng thật nhưng chất lượng dỏm, tình trạng

chạy chức chạy việc tràn lan. Tình hình ngày càng trầm trọng vì số trường đại học được mở ra, được nâng cấp từ cao đẳng, số ngành nghề được mở ngày càng nhiều mà thiếu một hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục hoàn chỉnh, hiệu quả.

Như vậy, điều cần giải quyết thực tế là không phải tiếp tục nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ kết nối Nhà trường – Doanh nghiệp, hoặc Nhà trường kêu gọi các doanh nghiệp hỗ trợ quá trình đào tạo, tuyển dụng việc làm cho các trường để chứng tỏ trách nhiệm xã hội, hoặc Doanh nghiệp kêu gọi các trường nâng cao chất lượng gắn kết nhu cầu của doanh nghiệp của xã hội, mà là nhanh chóng có được những giải pháp khả thi, vài chính sách vĩ mô để tác động vào mối quan hệ này. Ví dụ: chính sách về kiểm định nghề nghiệp, đánh giá

sinh viên tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra. Chúng ta cần quyết tâm cao để làm, nếu không thì số lượng sinh viên tốt nghiệp tham gia vào lực lượng thất nghiệp ngày càng cao do không đáp ứng về kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực ngoại ngữ-tin học, đặc biệt là khi Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) sắp chính thức ra đời vào cuối năm 2015●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đức Vương, *Thực trạng và giải pháp phát triển nhân lực VN*.
<http://tailieuhoctap.vn>
The Management of University-Industry Relation (2000)



THẺ LỆ GỬI BÀI CHO TẠP CHÍ PHÁT TRIỂN & HỘI NHẬP

Nhằm đáp ứng những chuẩn mực của một tạp chí khoa học, Toà soạn trân trọng đề nghị các tác giả gửi bài theo thẻ lệ sau:

A. Bài viết được gửi bằng file MS word, nội dung không quá 8.000 từ với kiểu (font) chữ Times New Roman, cỡ chữ (size) 12. Thống nhất tên gọi các đồ thị, biểu đồ, hình vẽ là **Hình** trình bày dạng gốc không chuyển và nhập (convert & import) bằng dạng ảnh (picture) và gửi kèm file gốc bằng excel, phần mềm thiết kế khác hay đường dẫn trên Internet nếu hình được tải xuống. Hình và Bảng nếu trích dẫn phải ghi rõ **Nguồn**.

B. Bài viết được trình bày theo bố cục sau:

1. **Tựa bài** (Title): từ 10 đến 15 chữ (âm tiết - word). Sau tựa bài là tên tác giả, ghi chú chức danh, học hàm học vị, cho biết nơi làm việc của tác giả, địa chỉ Email, số điện thoại và địa chỉ để tòa soạn liên hệ.

Tóm lược (Summary or Abstract): từ 100 đến 200 words, bao gồm: (1) Tầm quan trọng và mục đích của nghiên cứu; (2) Phương pháp nghiên cứu sử dụng; và (3) Những kết quả chính của nghiên cứu.

Từ khóa (Key words)

2. **Giới thiệu** (Introduction): Xác định vấn đề nghiên cứu và nội dung chính cần giải quyết. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu: Bao gồm (1) Cơ sở lý thuyết và khung phân tích (Theoretical basis and Analysis framework) và (2) Phương pháp nghiên cứu (Methods)

3. **Kết quả nghiên cứu và thảo luận** (Results & Discussions)

4. **Kết luận hoặc (và) gợi ý chính sách** (Conclusion / Policy implication)

5. **Tài liệu trích dẫn**: Gồm 2 dạng chính:

- Trích dẫn trong bài (Citations): Ghi tác giả trích dẫn, ví dụ: (Nguyễn, 2006) hay (Nguyễn Chí Đức, 2011) và ghi tài liệu trích dẫn cuối trang.

- Tài liệu tham khảo (References). Danh sách tài liệu tham khảo được đặt cuối bài viết, xếp theo thứ tự A, B, C của họ tác giả (trong và ngoài nước), hay tên cơ quan ban hành tài liệu, báo cáo hay ấn phẩm. Mỗi trích dẫn trong bài viết phải tương ứng với danh mục nguồn tài liệu được liệt kê trong danh sách tài liệu tham khảo. Có 3 nhóm tài liệu:

- Tài liệu tham khảo là sách, giáo trình, luận án, báo cáo, tài liệu nghiệp vụ (working paper). Cần trình bày (in nghiêng, dấu phẩy cách, viết hoa) đầy đủ các thông tin như sau: Tên các tác giả hoặc cơ quan ban hành (Năm xuất bản), *Tên sách, luận án, báo cáo, tài liệu*, Nhà xuất bản, Nơi xuất bản.

- Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, chương, bài trong một cuốn sách, bài viết hội thảo. Trình bày như sau: Tên tác giả (Năm công bố), "Tên bài", *Tên tạp chí hoặc tên sách*, Tập, Số, Trang.

Ví dụ: Trần Ngọc Thơ (2011), "Niềm tin, khủng hoảng tài chính và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam", Tạp chí *Phát triển & Hội nhập*, Số 10, Trang 2.

- Tài liệu tham khảo trên Internet: Tên tác giả (thời gian công bố), *Tên tài liệu*, đường dẫn tới nội dung trích dẫn – vd: http://uef.edu.vn/resources/newsletter_uef/thang03_2011/1_niem_tin_khung_hoang_tai_chinh.pdf, thời gian trích dẫn.

BAN BIÊN TẬP